

Số: 07 Ngày
26/02/2018

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin hàng tuần
Ra ngày thứ hai

VĂN BẢN MỚI

1. Trước ngày 31/12/2020, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải lập quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030 trình Thủ tướng Chính phủ.
2. Thực phẩm có chứa sinh vật biến đổi gen phải thể hiện các thông tin liên quan đến sinh vật biến đổi gen trên nhãn hàng hóa.
3. Cụ thể hóa cách tính khối lượng hoặc thể tích các chất ma túy tại một số điều của Bộ Luật Hình sự 2015.
4. Tàu ngầm và các phương tiện ngầm của nước ngoài đi trong lãnh hải Việt Nam phải nổi trên mặt nước và treo cờ quốc tịch.
5. Tổng biên chế công chức năm 2018 của các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước là 265.106 biên chế.
6. Tốc độ tăng tổng dư nợ tín dụng của Ngân hàng Chính sách xã hội so với năm 2017 là 8,5%.
7. Hà Nội thông qua phương án đơn giản hóa 61 thủ tục hành chính năm 2017.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Quyết định về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Công dân có quyền tự do báo chí thế nào theo luật định?
2. Quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân ?
3. Trách nhiệm của Nhà nước đối với quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân như thế nào?
4. Đối tượng nào được xét cấp thẻ nhà báo?

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. TRƯỚC NGÀY 31/12/2020, CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, UBND CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ THUỘC TRUNG ƯƠNG PHẢI LẬP QUY HOẠCH NGÀNH QUỐC GIA THỜI KỲ 2021-2030 TRÌNH THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Ngày 05/02/2018, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP về triển khai thi hành Luật Quy hoạch.

Theo đó, Chính phủ yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang Bộ khẩn trương xây dựng và bảo đảm chất lượng các dự án luật sửa đổi, bổ sung các quy định về quy hoạch kết hợp với sửa đổi, bổ sung đồng bộ các quy định liên quan đến đất đai, xây dựng, nhà ở, môi trường, đầu tư kinh doanh, kiểm tra chuyên ngành đã được Chính phủ thông qua đề nghị xây dựng các dự án luật và thông qua điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018, bảo đảm tiến độ trình Chính phủ để trình Quốc hội thông qua, có hiệu lực thi hành đồng thời với hiệu lực thi hành của Luật Quy hoạch từ ngày 01/01/2019.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cần phải tập trung nguồn lực tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030 được phân công theo quy định của Luật Quy hoạch, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước ngày 31/12/2020.

Về việc thực hiện các quy định chuyển tiếp của Luật Quy hoạch, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm rà soát,

tổng hợp danh mục các quy hoạch đã được phê duyệt còn hiệu lực, các quy hoạch đang tiến hành lập, đã được lập, điều chỉnh, thẩm định mà chưa được phê duyệt, các quy hoạch đã được lập, điều chỉnh mà chưa được thẩm định gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31/3/2018 để tổng hợp báo cáo Chính phủ; chủ động rà soát, bãi bỏ theo thẩm quyền các quy hoạch theo quy định tại Luật Quy hoạch và hoàn thành trước ngày 31/12/2018; chủ động nghiên cứu, rà soát, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức lập quy hoạch theo thẩm quyền, thực hiện quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch; phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ xây dựng, ban hành các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành theo thẩm quyền bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước khi các quy hoạch quy định tại Luật Quy hoạch bị bãi bỏ.

Về xây dựng quy hoạch thời kỳ 2021-2030 theo quy định của Luật Quy hoạch, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được sử dụng nguồn 10% dự phòng trên tổng mức vốn đã phân bổ cho các địa phương trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 hoặc nguồn vốn chi sự nghiệp kinh tế đã bố trí trong dự toán năm 2018 của cấp tỉnh để tổ chức lập quy hoạch thời kỳ 2021-2030 ngay trong năm 2018 theo quy định của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước.

Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

Số 07 ngày 26/02/2018 trang 2/10

2. THỰC PHẨM CÓ CHỨA SINH VẬT BIẾN ĐỔI GEN PHẢI THỂ HIỆN CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN SINH VẬT BIẾN ĐỔI GEN TRÊN NHÃN HÀNG HÓA

Ngày 02/02/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

Theo đó, đối với thực phẩm có thành phần từ sinh vật biến đổi gen và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên thị trường có chứa sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen có ít nhất một thành phần nguyên liệu biến đổi gen lớn hơn 5% tổng nguyên liệu được sử dụng để sản xuất thực phẩm thì ngoài việc phải tuân thủ các quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa còn phải thể hiện các thông tin liên quan đến sinh vật biến đổi gen trên nhãn hàng hóa trừ các trường hợp được quy định.

Các trường hợp được miễn ghi nhãn đối với hàng hóa chứa sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen sử dụng làm thực phẩm bao gồm: thực phẩm biến đổi gen bao gói sẵn có thành phần nguyên liệu biến đổi gen nhưng không phát hiện được gen hoặc sản phẩm của gen bị biến đổi trong thực phẩm; thực phẩm biến đổi gen tươi sống, thực phẩm biến đổi gen chế biến không bao gói và trực tiếp bán cho người tiêu dùng; thực phẩm biến đổi gen sử dụng trong trường hợp khẩn cấp nhằm khắc phục thiên tai, dịch bệnh.

Đối với thực phẩm sử dụng phụ gia, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm có trách nhiệm chỉ được sử dụng phụ gia thực phẩm trong danh mục các chất phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm do Bộ Y tế quy định. Trong trường hợp phụ gia thực phẩm không thuộc danh mục các chất phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm hoặc không đúng đối tượng sử dụng do Bộ Y tế quy định; tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phụ gia thực phẩm phải đăng ký bản công bố sản phẩm tại Bộ Y tế theo quy định; không sử dụng phụ gia vượt quá mức sử dụng tối đa cho phép; đúng đối tượng thực phẩm; có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; còn thời hạn sử dụng; đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quản lý và yêu cầu kỹ thuật đối với phụ gia thực phẩm.

Cơ sở sản xuất, kinh doanh phụ gia thực phẩm phải đáp ứng các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm sau: đáp ứng các quy định chung về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm được quy định; chỉ được phối trộn các phụ gia thực phẩm khi các phụ gia thực phẩm đó thuộc danh mục các chất phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm do Bộ Y tế quy định và sản phẩm cuối cùng của sự phối trộn không gây ra bất cứ tác hại nào với sức khỏe con người; trường hợp tạo ra một sản phẩm mới, có công dụng mới phải chứng minh công dụng, đối tượng sử dụng và mức sử dụng tối đa; việc sang chia, san, chiết phụ gia thực phẩm phải được thực hiện tại cơ sở đủ

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

điều kiện an toàn thực phẩm và ghi nhãn theo quy định hiện hành.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02/02/2018.

3. CỤ THỂ HÓA CÁCH TÍNH TỔNG KHỐI LƯỢNG HOẶC THỂ TÍCH CÁC CHẤT MA TÚY TẠI MỘT SỐ ĐIỀU CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ 2015

Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 được áp dụng đối với cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy.

Theo đó, khối lượng hoặc thể tích các chất ma túy sẽ là khối lượng hoặc thể tích các chất ma túy thu giữ hoặc chứng minh được trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy phải đảm bảo khách quan, khoa học và được thực hiện theo phương pháp, trình tự quy định.

Việc xác định khối lượng thuộc phiện trong xai thuốc phiện, thuốc phiện pha loãng, thuốc phiện pha trộn được tính theo thuốc phiện chứa 10% morphine làm căn cứ quy đổi. Tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của từng chất ma túy được tính theo quy định nếu là số thập phân thì gồm một chữ số sau dấu phẩy và không làm tròn.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02/02/2018.

4. TÀU NGÀM VÀ CÁC PHƯƠNG TIỆN NGÀM CỦA NƯỚC NGOÀI ĐI TRONG LÃNH HẢI VIỆT NAM PHẢI NỔI TRÊN MẶT NƯỚC VÀ TREO CỜ QUỐC TỊCH.

Nghị định số 16/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 quy định về việc công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam quy định: tất cả các loại tàu thuyền không phân biệt quốc tịch, trọng tải được phép đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam nhưng phải thực hiện trên cơ sở tôn trọng hòa bình, độc lập, chủ quyền, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và tuân thủ quy tắc phòng ngừa va chạm trên biển theo quy định của pháp luật. Tàu thuyền khi đi qua lãnh hải Việt Nam phải treo cờ quốc tịch, thực hiện hành trình liên tục, nhanh chóng và thực hiện đầy đủ các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam và Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 (UNCLOS 82); trừ các trường hợp bất khả kháng, tàu gặp sự cố hàng hải, bị tai nạn; vì mục đích cứu giúp người, tàu thuyền hoặc tàu bay đang gặp nạn trên biển hoặc theo thỏa thuận riêng giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ của quốc gia mà tàu thuyền đó mang cờ. Tàu ngầm và các phương tiện đi ngầm khác của nước ngoài khi đi trong lãnh hải Việt Nam phải hoạt động ở trạng thái nổi trên mặt nước và phải treo cờ quốc tịch theo quy định.

Đối với tàu thuyền nước ngoài chạy bằng năng lượng hạt nhân hoặc chuyên chở chất phóng xạ, chất độc hại, nguy hiểm khi đi trong lãnh hải Việt Nam phải có nghĩa vụ mang đầy đủ tài liệu hồ sơ kỹ thuật liên quan đến tàu thuyền và hàng hóa trên tàu, tài liệu về bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc; sẵn sàng cung cấp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam mọi tài liệu liên quan đến thông số kỹ thuật của tàu thuyền và hàng hóa chở trên tàu thuyền; thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa đặc biệt theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Việt Nam là thành viên; tuân thủ quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam về việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa đặc biệt, kể cả cấm không được đi qua lãnh hải Việt Nam hoặc buộc phải rời ngay khỏi lãnh hải Việt Nam trong trường hợp có dấu hiệu hoặc có bằng chứng rõ ràng về khả năng gây rò rỉ chất độc hại hoặc gây ô nhiễm môi trường.

Các bộ, ngành và UBND cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trực thuộc thực hiện việc phối hợp hoạt động quản lý nhà nước trên tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam; kiểm tra, thanh tra và xử lý nghiêm các hành vi sai phạm theo quy định của pháp luật; triển khai thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý bảo đảm tạo điều kiện thuận lợi và hiệu

quả cho hoạt động hàng hải trên tuyến hàng hải.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/4/2018 và thay thế Nghị định số 146/2013/NĐ-CP ngày 30/10/2013 của Chính phủ.

5. TỔNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2018 CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC LÀ 265.106 BIÊN CHẾ

Tổng biên chế công chức năm 2018 của các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài (không bao gồm biên chế của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; biên chế công chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập và cán bộ, công chức cấp xã), biên chế công chức dự phòng và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước là 265.106 biên chế; biên chế công chức dự phòng là 799 biên chế và tổng biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước 686 biên chế.

Đây là nội dung đáng chú ý được Thủ tướng Chính phủ quy định tại Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 02/02/2018 về việc phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2018.

Theo đó, các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập là 107.392 biên chế, trong đó các Bộ điển hình được nhiều biên chế như: Bộ Tài chính là 70.771 biên chế; Bộ Tư pháp là 10.136 biên chế; Bộ Kế hoạch và Đầu tư là 6.456 biên chế; Bộ Công Thương là 1.239 biên chế; Bộ Tài nguyên và Môi trường là 1.208 biên chế ... Riêng các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài, tổng biên chế năm 2018 là 1.068 biên chế.

Các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc cơ quan của Hội đồng nhân dân, UBND cấp tỉnh, cấp huyện là 155.161 biên chế; Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh là 02 địa phương có biên chế công chức nhiều nhất, lần lượt là 8.966 biên chế và 8.052 biên chế.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02/02/2018.

6. TỐC ĐỘ TĂNG TỔNG DƯ NỢ TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI SO VỚI NĂM 2017 LÀ 8,5%

Ngày 02/02/2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 169/QĐ-TTg về việc giao kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước năm 2018.

Theo đó, kế hoạch năm 2018, tốc độ tăng tổng dư nợ tín dụng của Ngân hàng Chính sách xã hội so với năm 2017 là 8.5%.

Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì kiểm tra, giám sát và định kỳ hàng quý báo cáo Chính phủ tình hình thực hiện kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước năm 2018.

Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ kế hoạch phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh năm 2018 cho Ngân hàng Chính sách xã hội, bảo đảm không vượt trần nợ công và nợ Chính phủ đã được Quốc hội thông qua.

Ngân hàng Chính sách xã hội căn cứ kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước năm 2018 được giao tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch theo đúng mức vốn được giao; định kỳ hàng tháng, hàng quý báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02/02/2018.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

7. HÀ NỘI THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA 61 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2017

Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thông qua Phương án đơn giản hóa thủ tục hành

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

chính năm 2017 với 61 thủ tục hành chính của các lĩnh vực, đạt tỷ lệ trên 23,3%, trong đó có 03 thủ tục hành chính lĩnh vực Quy hoạch – Kiến trúc; 03 thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 11 thủ tục hành chính lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo; 10 thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học và Công nghệ; 04 thủ tục hành chính lĩnh vực Y tế; 18 thủ tục hành chính lĩnh vực Ban quản lý các khu công nghiệp và Chế xuất; 12 thủ tục hành chính lĩnh vực Lao động – Thương binh và Xã hội thuộc phạm vi quản lý nhà nước của thành phố Hà Nội.

Theo đó, có 261 thủ tục được đưa vào rà soát, đánh giá bao gồm: nhóm thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực Quy hoạch – Kiến trúc thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Quy hoạch – Kiến trúc có 04 thủ tục hành chính; nhóm thủ tục hành chính trong lĩnh vực Chăn nuôi, Trồng trọt, Thủy

lợi; Đê điều thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có 18 thủ tục hành chính; nhóm thủ tục hành chính lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo có 34 thủ tục hành chính; nhóm thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học và Công nghệ có 53 thủ tục hành chính; nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế có 21 thủ tục hành chính; nhóm thủ tục, quy định hành chính có liên quan lĩnh vực Ban quản lý các khu công nghiệp và Chế xuất có 73 thủ tục hành chính; nhóm thủ tục, quy định hành chính có liên quan lĩnh vực Bảo trợ xã hội, Chính sách người có công và các thủ tục hành chính liên thông thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội có 58 thủ tục.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2018.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC GỬI, NHẬN VĂN BẢN ĐIỆN TỬ GIỮA CÁC CƠ QUAN TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC.

Văn phòng Chính phủ hiện đang tổ chức lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước về dự thảo Quyết định về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

Theo đó, các văn bản điện tử phải được lưu trữ, bảo quản an toàn, nguyên vẹn và sử dụng đúng mục đích trong quá trình tiếp nhận, chuyển giao, giải quyết công việc. Các văn bản đi, văn bản đến phải được cập nhật những thông tin cần thiết vào sổ văn bản đi, sổ văn bản đến và ghi nhận tự động trạng thái xử lý qua hệ thống quản lý văn bản của các bộ, ngành, địa phương. Cơ quan nhà nước có quyền từ chối nhận văn bản

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

điện tử được gửi, nhận trên môi trường mạng nếu độ tin cậy của văn bản này không được bảo đảm nhưng phải chịu trách nhiệm về việc đó, đồng thời phải thông báo cho bên gửi được biết.

Khi tiếp nhận văn bản đến trên phần mềm quản lý văn bản, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ tiếp nhận văn bản của cơ quan, đơn vị (sau đây viết tắt là người tiếp nhận) phải kiểm tra số lượng văn bản, tính xác thực của chữ ký số trên văn bản điện tử, nếu phát hiện có sai sót, phải kịp thời thông báo cho nơi gửi hoặc báo cáo người có trách nhiệm xem xét, giải quyết. Sau khi tiếp nhận và kiểm tra văn bản đến, người tiếp nhận vào sổ văn bản đến và chuyển cho đơn vị xử lý văn bản thông qua chức năng của Phần mềm quản lý văn bản của cơ quan, đơn vị. Đối với văn bản đến liên quan đến nhiều đơn vị xử lý, người được cơ quan, tổ chức giao trách nhiệm phân phối, chỉ đạo giải quyết văn bản xác định rõ đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và thời hạn giải quyết trước khi chuyển văn bản cho các đơn vị.

Nội dung thông tin của văn bản điện tử được gửi, nhận trên Hệ thống quản lý văn bản của các bộ, ngành, địa phương bao gồm nội dung của văn bản điện tử đó và toàn bộ nội dung hồ sơ, tài liệu được gửi kèm theo. Hệ thống quản lý văn bản của các bộ, ngành, địa phương của cơ quan nhà

nước phải thể hiện các đặc tính của văn bản điện tử như: số kí hiệu văn bản; ngày ban hành và ngày có hiệu lực, hết hiệu lực (nếu có) của văn bản; trích yếu văn bản; độ khẩn; loại văn bản; nhóm văn bản; danh sách các văn bản đi kèm; họ tên người xử lý; trạng thái xử lý; bên gửi, bên nhận; ngày gửi, ngày nhận; chữ ký số của cơ quan phát hành văn bản đối với văn bản điện tử được quét từ văn bản giấy; chữ ký số của người có thẩm quyền ký phát hành văn bản, chữ ký số của cơ quan phát hành văn bản đối với văn bản điện tử không phải là văn bản được quét từ văn bản giấy; thời hạn đề nghị xử lý (trường hợp văn bản cần có phản hồi) và thông tin khác (nếu có).

Ý kiến xử lý đối với một văn bản điện tử của công chức, viên chức, Lãnh đạo cơ quan, đơn vị trong quá trình xử lý văn bản điện tử được coi là văn bản điện tử mới, có giá trị pháp lý được xác định trên cơ sở hiệu lực của ý kiến này, bao gồm thông tin của tất cả các ý kiến xử lý trước đó và giá trị pháp lý của văn bản điện tử ban đầu. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý hoặc đột xuất về mức độ thực hiện việc gửi, nhận văn bản điện tử trên môi trường mạng trong hoạt động của cơ quan mình gửi Văn phòng Chính phủ tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Công dân có quyền tự do báo chí thế nào theo luật định?

*** Trả lời:** Theo quy định tại Điều 10 của Luật Báo chí, Luật số 103/2016/QH13 Quốc hội ban hành ngày 05/4/2016 thì Quyền tự do báo chí của công dân bao gồm các quyền sau:

1. Sáng tạo tác phẩm báo chí.
2. Cung cấp thông tin cho báo chí.
3. Phản hồi thông tin trên báo chí.
4. Tiếp cận thông tin báo chí.
5. Liên kết với cơ quan báo chí thực hiện sản phẩm báo chí.
6. In, phát hành báo in.

2. Hỏi: Quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân?

*** Trả lời:** Theo quy định tại Điều 11 của Luật Báo chí, Luật số 103/2016/QH13 Quốc hội ban hành ngày 05/4/2016 thì Quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân bao gồm:

1. Phát biểu ý kiến về tình hình đất nước và thế giới.
2. Tham gia ý kiến xây dựng và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Góp ý kiến, phê bình, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trên báo chí đối với các tổ chức của Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức, cá nhân khác.

3. Hỏi: Trách nhiệm của Nhà nước đối với quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân như thế nào?

*** Trả lời:** Theo quy định tại Điều 13 của Luật Báo chí, Luật số 103/2016/QH13 Quốc hội ban hành ngày 05/4/2016 thì trách nhiệm của Nhà nước đối với quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân như sau:

1. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để công dân thực hiện quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí và để báo chí phát huy đúng vai trò của mình.

2. Báo chí, nhà báo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và được Nhà nước bảo hộ. Không ai được lạm dụng quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân.

3. Báo chí không bị kiểm duyệt trước khi in, truyền dẫn và phát sóng.

4. Hỏi: Đối tượng nào được xét cấp thẻ nhà báo?

* **Trả lời:** Theo quy định tại Điều 26 của Luật Báo chí, Luật số 103/2016/QH13 Quốc hội ban hành ngày 05/4/2016 Đối tượng được xét cấp thẻ nhà báo gồm:

1. Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, giám đốc, phó giám đốc, tổng biên tập, phó tổng biên tập cơ quan báo chí, thông tấn.

2. Trưởng phòng (ban), phó trưởng phòng (ban) nghiệp vụ báo chí của cơ quan báo chí, thông tấn.

3. Phóng viên, biên tập viên của cơ quan báo chí, thông tấn.

4. Người quay phim, đạo diễn chương trình phát thanh, truyền hình (trừ phim truyện) của các đơn vị được cấp giấy phép hoạt động báo chí trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình và sản xuất phim tài liệu của Nhà nước.

5. Phóng viên, biên tập viên, người phụ trách công tác phóng viên, biên tập ở đài truyền thanh, truyền hình cấp huyện và tương đương.

6. Người đã được cấp thẻ nhà báo nhưng được điều chuyển sang làm công việc khác vẫn tiếp tục có tác phẩm báo chí được sử dụng, được cơ quan báo chí xác nhận, được xét cấp thẻ nhà báo trong các trường hợp cụ thể sau:

a) Được điều động công tác tại các đơn vị không trực tiếp thực hiện nghiệp vụ báo chí của cơ quan báo chí;

b) Được điều chuyển sang làm công tác giảng dạy chuyên ngành báo chí tại các cơ sở giáo dục đại học theo quy định của Luật giáo dục đại học;

c) Được điều chuyển sang làm cán bộ chuyên trách tại hội nhà báo các cấp, trực tiếp làm công tác quản lý nhà nước về báo chí./.